

# ĐƯỜNG HƯỚNG HỢP TÁC KHU VỰC Ở ĐÔNG NAM Á THỜI KỲ ĐẦU THÀNH LẬP ASEAN

TRẦN CAO THÀNH\*

Tháng 8 - 1967, tại Băng Cốc - Thái Lan, Hội nghị quan chức cấp cao đại diện năm nước gồm Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan và Xingapo tuyên bố thành lập ASEAN (Association of South East Asian Nations) nhằm thích ứng với bối cảnh trong khu vực và quốc tế đương thời.

Nhìn lại quá trình diễn tiến từ khi ra đời đến nay, mặc dù còn nhiều hạn chế, có nhiều khó khăn thách thức để hợp tác cùng phát triển, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á đã đạt được nhiều dấu ấn có ý nghĩa về hội nhập, hợp tác và liên kết khu vực. Bài viết này tiếp cận khái quát đường hướng hợp tác khu vực ở Đông Nam Châu Á thời kỳ 10 năm đầu thành lập và tồn tại của ASEAN.

I. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, sự đối lập ý thức hệ giữa hai siêu cường Mỹ và Liên Xô phân cực thế giới; tập hợp lực lượng trong hai hệ thống chính trị - kinh tế - xã hội Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa, với hai khối quân sự đối đầu Tây Đông trong môi trường chiến

tranh lạnh kéo dài. Bên cạnh sự phân chia lưỡng cực đó, là tập hợp quốc tế với hàng trăm nước "thế giới thứ ba" trong "Phong trào không liên kết chủ trương chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, đấu tranh giành độc lập về chính trị, kinh tế, văn hóa, hợp tác quốc tế trên cơ sở công bằng và cùng có lợi, thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng, hợp lý, bảo vệ hòa bình và an ninh của các dân tộc"<sup>(1)</sup>.

Khu vực Đông Nam Á, ngoài những nỗ lực đoàn kết ủng hộ nhau chống thực dân đế quốc, các quốc gia sau khi giành được độc lập đều có nguyện vọng chung là độc lập, hòa bình, đoàn kết hữu nghị và trung lập. Song, ý nguyện đó phải đối mặt với nhiều nhân tố tác động ở cả bên trong và từ bên ngoài. Đó là những tranh chấp lợi ích ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương trong định vị chiến lược của các nước lớn, lôi kéo các nước vừa và nhỏ đối đầu ý thức hệ; là những mâu thuẫn lằng giằng về chủ quyền lãnh thổ giữa nhiều nước ở Đông

\* TS. Trần Cao Thành, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Nam Á hải đảo; đặc biệt là chiến tranh Mỹ xâm lược Việt Nam và Đông Dương ở Đông Nam Á lục địa; v.v., đã chia rẽ tình đoàn kết, ngăn cản khu vực ổn định.

II. Những năm giữa thập kỷ 60 của thế kỷ XX, thế giới còn nóng bỏng trong môi trường chiến tranh lạnh. Đông Nam Á còn là một khu vực có chiến tranh khốc liệt ở Việt Nam lên tới đỉnh điểm với sự xâm lược tăng cường mở rộng của Mỹ, sự phát triển thắng lợi của cách mạng Việt Nam cùng hai nước bạn trên bán đảo Đông Dương kháng chiến giành lại độc lập. Trong cuộc chiến này, láng giềng Việt Nam có những nước chia sẻ cùng Việt Nam chống Mỹ xâm lược; có những nước ở những thời điểm và mức độ khác nhau trực tiếp hoặc gián tiếp chống lại cách mạng Đông Dương. Cuộc chiến tranh xâm lược can thiệp của Mỹ lôi kéo nhiều đồng minh ở trong và ngoài khu vực tham chiến. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam được hậu thuẫn giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc, được sự ủng hộ của các nước hệ thống XHCN và phong trào nhân dân thế giới phản đối chiến tranh. Trong mục tiêu chính sách và chiến lược toàn cầu, quan hệ giữa các cường quốc và nhiều nước lớn với Đông Nam Á, với cuộc chiến tranh ở Việt Nam vừa cụ thể rõ ràng; vừa biến thái phức tạp. *Việt Nam là tiêu điểm chính của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, trở thành biểu tượng của ý chí độc lập dân tộc và cách mạng XHCN, có ảnh hưởng lan tỏa không chỉ trong khu vực mà cả trên thế giới*<sup>(2)</sup>.

Tình thế chiến tranh và nhu cầu phát triển đất nước trong hòa bình tác động trực tiếp, sâu sắc đến ý chí độc lập dân tộc, tư tưởng trung lập và ý thức cộng

đồng khu vực ở Đông Nam Á. Và do đó, đặt ra vấn đề lợi ích dân tộc-quốc gia với nhu cầu ổn định, phát triển; giữa sức ép của lợi ích khu vực với áp lực từ bên ngoài. Trong tuyên bố Băng Cốc (năm 1967) khai sinh Hiệp hội hợp tác khu vực giữa các nước Đông Nam Á có nội dung xác định: *“Các nước Đông Nam Á có trách nhiệm chính trong việc tăng cường ổn định kinh tế và xã hội của khu vực và đảm bảo sự phát triển đất nước một cách hòa bình và tiến bộ;... quyết tâm đảm bảo sự ổn định và an ninh của mình không có sự can thiệp từ bên ngoài dưới bất cứ hình thức hoặc biểu hiện nào nhằm giữ gìn bản sắc dân tộc của mình phù hợp với những lý tưởng và nguyện vọng của nhân dân mình”*<sup>(3)</sup>. Với chủ trương đó, ASEAN tuyên bố tôn chỉ, mục đích và nguyên tắc bộ máy tổ chức Hiệp hội; khẳng định Hiệp hội mở rộng để tất cả các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á tán thành cùng tham gia. Đồng thời, nêu rõ *“Hiệp hội này đại diện cho ý chí tập thể của các quốc gia ở Đông Nam Á gắn bó với nhau bằng tình hữu nghị và hợp tác”*<sup>(4)</sup>. Thông qua những nỗ lực chung, phối hợp trách nhiệm để tạo lập nền tảng xây dựng Đông Nam Á là một cộng đồng các quốc gia nhân dân sống trong hòa bình, ổn định và phát triển phần vinh bền vững.

Đường hướng nêu trên, là ý nguyện chính trị có nội hàm thể hiện tư duy mở. Một mặt, biểu thị độc lập tự cường, hòa giải và hòa hợp Đông Nam Á. Mặt khác, phản ánh nhu cầu liên hợp các nước có khuynh hướng phát triển chủ nghĩa tư bản trong khu vực thành một nhóm nước trong một thực thể *“Hiệp hội”*. Sự tập hợp khu vực ở Đông Nam châu Á vốn đã phải trải qua nhiều thăng trầm thể nghiệm với phạm vi mức độ và động cơ không giống nhau, do lợi ích đa dạng

và sự tương tác trong quan hệ quốc tế song phương và đa phương ở nhiều cấp độ. Sự tập hợp này trong ASEAN năm 1967 hội tụ năm nước “đi theo mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản”<sup>(5)</sup>, nhằm hợp tác điều hòa và tìm kiếm sự nhân nhượng trong các vấn đề mà các lợi ích của các nước bị đối lập nhau, bao gồm cả các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ do lịch sử hoặc các mâu thuẫn đang nảy sinh do thời cuộc; thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường mở hướng ngoại với sự điều chỉnh chiến lược công nghiệp hóa từ “thay thế nhập khẩu” sang “hướng vào xuất khẩu”; bảo trì những lợi ích tương đồng phát triển kinh tế theo khuynh hướng tư bản, thân phương Tây. Đồng thời, ngăn chặn nguy cơ tác động từ chiến tranh Đông Dương lần hai không chỉ trong phạm vi ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia với ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ra cả khu vực. Đó là thực tế lịch sử. Dưới góc độ chính trị - an ninh, tác giả Robert A. Scalapino, giáo sư Đại học California (Mỹ) đánh giá: “ASEAN thực chất là một tổ chức chính trị - an ninh, được xây dựng vào lúc xuất hiện việc Mỹ sẽ có thể rời khỏi khu vực và trong cơn hoảng sợ về sự lan rộng của cộng sản”<sup>(6)</sup>.

III. Những năm cuối thập kỷ 60 đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX, cục diện chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương “Đế quốc Mỹ thất bại đã rõ ràng”<sup>(7)</sup>. ASEAN đưa ra mục tiêu Đông Nam Á là khu vực hòa bình, tự do, và trung lập (Zone of Peace, Freedom and Neutrality-ZOPFAN) trong tuyên bố tại Kuala Lumpur tháng 11 - 1971. Với động cơ và mục tiêu trung lập hóa Đông Nam Á, tuyên bố Kuala Lumpur (năm 1971) biểu thị sự điều chỉnh dần quan điểm cân bằng trong chính sách đối ngoại, mong muốn môi trường Đông Nam Á

hòa bình và an ninh ổn định, “không có sự can thiệp dưới bất cứ hình thức và phương cách nào của các nước ngoài khu vực”<sup>(8)</sup>. Song, Đông Nam Châu Á là một khu vực có tầm quan trọng chiến lược trong định vị của các cường quốc đang tranh giành ảnh hưởng ở châu Á - Thái Bình Dương. Vì vậy vào thời kỳ này, hiện thực hóa ý tưởng ZOPFAN không hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí nội sinh của khu vực.

Diễn tiến thắng lợi của Việt Nam trên các mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao. Diễn biến của tình hình thế giới về kinh tế, chính trị-an ninh và quan hệ quốc tế đầu thập kỷ 70, đặc biệt từ các nước lớn. Tiến triển chậm chạp không hiệu quả trong hợp tác nội bộ ASEAN, đặc biệt sự trì trệ trong phương hướng hợp tác chuyên ngành. Triển vọng gắn kết chính trị vì lợi ích an ninh chung giữa các thành viên ASEAN, và thoả hiệp dàn xếp bất đồng mâu thuẫn về chủ quyền lãnh thổ theo phương cách thương lượng .v.v.. Những nhân tố đó đã tác động, thúc đẩy củng cố vai trò Hiệp hội. “Các nước Đông Nam Á cần phối hợp nỗ lực nhằm mở rộng các lĩnh vực hợp tác để góp phần tăng cường sức mạnh, tình đoàn kết, mối quan hệ gắn bó hơn nữa của các nước này”<sup>(9)</sup>. Đây cũng chính là quan điểm liên kết tập thể, phản ánh mối quan ngại trước tác động trực tiếp ở trong khu vực và từ bên ngoài về an ninh, về nhu cầu ổn định giữ nhịp độ phát triển kinh tế đang tăng trưởng trung bình 7%/năm, về quyền lực chính trị của giới lãnh đạo các chính phủ hiện hành trong ASEAN.

Tư tưởng độc lập tự do, hòa bình trung lập và phát triển là tư tưởng dân tộc độc lập, khu vực tự cường, tăng cường liên hợp và phát triển trong ổn

định ở cấp độ từng quốc gia, cả Đông Nam Á và giữa Đông Nam Á với bên ngoài khu vực. Đó cũng là nhu cầu thực tế khách quan, có cội nguồn từ những đặc điểm khu vực, do hoàn cảnh lịch sử trong bối cảnh nhân dân các nước Đông Nam Á bị phân rẽ về hệ tư tưởng và lợi ích, với sự can thiệp chiếm đóng của nước ngoài vào khu vực. Tuyên bố Kuala Lumpur là dấu ấn gián tiếp phản ánh bước thắng lợi của nhân dân Đông Dương trong đấu tranh chống Mỹ và chư hầu xâm lược; là dấu ấn trực tiếp biểu thị nhu cầu môi trường chính trị - an ninh ổn định để tự chủ phát triển kinh tế-xã hội theo phương hướng đã định của các chính phủ thành viên; kêu gọi sự hợp tác thực chất toàn diện cả trong nhận thức và thực tiễn hành động; thể hiện một bước đường hướng chính trị hóa mục tiêu hình thành của ASEAN.

IV. Đến những năm giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, chiến tranh cách mạng chống xâm lược trên bán đảo Đông Dương kết thúc giành toàn thắng năm 1975. "Thời kỳ sau chiến tranh Việt Nam", thế giới vẫn trong trật tự lưỡng cực đối đầu Tây - Đông giữa hai siêu cường Mỹ - Xô với hai hệ thống TBCN và XHCN "cân bằng quân sự chiến lược". Song, thế giới vận động, biến đổi chịu tác động sâu sắc rộng lớn của nhiều nhân tố. Quan trọng nhất là tốc độ phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại. Sau khủng hoảng dầu lửa cuối năm 1973, kinh tế thế giới khủng hoảng trầm trọng những năm 1974-1975. Trong xu hướng kinh tế thế giới điều chỉnh phát triển theo chiều sâu, đẩy nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các nước tư bản chạy đua thúc đẩy thành tựu khoa học và công nghệ, đã cải tổ cơ cấu và phục hồi phát triển được kinh tế

tư bản chủ nghĩa. Yếu tố này thúc đẩy mạnh quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới, tác động mạnh đến điều chỉnh quan hệ quốc tế.

Các nước Đông Nam châu Á tuy vẫn bị phân chia với đường hướng phát triển kinh tế - chính trị - xã hội khác biệt nhau, nhưng đã có nhiều cải thiện quan hệ phát triển xu hướng hòa bình, thân thiện hữu nghị ở toàn khu vực<sup>(10)</sup>. Hai miền Nam - Bắc Việt Nam thống nhất trong một nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện nhất quán chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị và hợp tác với thế giới bên ngoài, bao gồm cả các thành viên ASEAN. Cách mạng Đông Dương nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng là một bộ phận của cách mạng thế giới. Việt Nam vẫn giữ vị thế vai trò tiên đồn của chủ nghĩa xã hội ở khu vực Đông Nam Châu Á. Do vậy, Việt Nam bên cạnh những thuận lợi trong nước và quốc tế, có nhiều khó khăn nặng nề khắc phục hậu quả và tái thiết đất nước sau chiến tranh. Việt Nam còn không tránh khỏi bị cô lập bao vây cấm vận kinh tế của Mỹ và phương Tây, bị các lực lượng thù địch cấu kết chống phá cả ở bên trong và từ bên ngoài.

Năm 1976, Đông Nam Á có hai sự kiện quan trọng đối với công cuộc hợp tác khu vực: *ASEAN ký Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á, ra Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố chính sách bốn điểm đối ngoại ở khu vực.*

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á thông qua hai văn kiện "Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á" và "Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN" tại hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất ở

Bali (Indônêxia). 1- Điểm nổi bật đầu tiên, đây là hội nghị các nguyên thủ đứng đầu chính phủ năm nước thành viên từ khi tham gia Hiệp hội, phản ánh tâm vóc mới trước bối cảnh mới của triển vọng hợp tác. 2- Hội nghị không dừng lại ở quan điểm an ninh với những nỗ lực phối hợp chính trị - ngoại giao, trong điều kiện và hoàn cảnh tuy chiến tranh ác liệt ở Đông Dương đã kết thúc, nhưng Đông Nam Á “thời kỳ sau Việt Nam” còn đan xen xu thế có hòa bình hòa dịu và hợp tác lẫn tồn tại căng thẳng đối đầu hậu chiến. 3- Mục đích “Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN” gắn bó cùng tồn tại giữa các thành viên hợp tác khu vực; xác định cụ thể đường hướng các vấn đề hợp tác nội bộ ASEAN vốn đang trì trệ, chưa hiệu quả thiết thực trong thực tiễn và tổ chức. 4- Khuôn khổ hợp tác Hiệp hội về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá thông tin, an ninh và cải tiến bộ máy cơ cấu tổ chức cho thấy ASEAN từ nay đã có chương trình hành động hợp tác cụ thể. 5- Nét nổi bật về chính trị, phản ánh tình thế hai nhóm nước ASEAN và Đông Dương sau 1975 cần cải thiện quan hệ mở rộng hiểu biết, vượt qua những bất đồng và tranh chấp, đáp ứng nhu cầu ổn định phát triển xuất phát từ cả các bên, trong tình hình thế giới đối kháng có xu thế hòa dịu; tác động điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, lấy sức mạnh kinh tế làm tiêu chí chủ yếu thay chạy đua quân sự.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi hoàn thành sự nghiệp giành lại độc lập, đã công bố chính sách đối ngoại của Nhà nước thống nhất. Đồng thời, nêu rõ ràng quan điểm lập trường bốn điểm thể hiện chính sách đối ngoại ở Đông Nam Á. “...nhân dân Việt Nam

hoàn toàn ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân các nước Đông Nam Châu Á vì độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; ủng hộ các nước ở Đông Nam Châu Á trở thành những quốc gia độc lập, hòa bình, trung lập thực sự, không có căn cứ quân sự và quân đội của đế quốc trên đất nước mình.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẵn sàng thiết lập và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt với các nước Đông Nam Châu Á trên cơ sở những nguyên tắc sau đây: 1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại trong hòa bình. 2. Không để lãnh thổ nước mình cho bất cứ nước ngoài nào sử dụng làm căn cứ xâm lược và can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào nước kia và các nước khác trong khu vực. 3. Thiết lập quan hệ hữu nghị láng giềng tốt, hợp tác kinh tế và trao đổi văn hóa trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Giải quyết những vấn đề tranh chấp giữa các nước trong khu vực thông qua thương lượng theo tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. 4. Phát triển sự hợp tác giữa các nước trong khu vực vì sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh theo điều kiện riêng của mỗi nước, vì lợi ích của độc lập, hòa bình, trung lập thực sự ở Đông Nam Châu Á, góp phần vào sự nghiệp hòa bình trên thế giới<sup>(11)</sup>.

Đó là thành quả tác động qua lại, thể hiện bước tiến tiếp cận và khả năng thích ứng của các nước Đông Nam Á có chế độ chính trị - kinh tế - xã hội khác nhau, trong môi trường cục diện thế giới

còn căng thẳng đối đầu chạy đua vũ trang. Diễn tiến thắng lợi của nhân dân Đông Dương trong cuộc kháng chiến, đặc biệt trọng yếu từ Việt Nam, là một nhân tố quan trọng tác động cấu thành đường hướng cơ bản trong đối nội và đối ngoại hợp tác khu vực của ASEAN.

Các tuyên bố đó, phản ánh ý nguyện quyết tâm chính trị tạo lập và củng cố lòng tin nhằm hoà giải những vấn đề tranh chấp nội bộ trong ASEAN; hòa nhập khu vực theo đường hướng độc lập tự chủ, hòa bình ổn định để cùng tồn tại và hợp tác phát triển; gắn kết lợi ích quốc gia với lợi ích khu vực trong một thế giới vừa phụ thuộc trong quan niệm về chính trị - xã hội và ý thức hệ tư tưởng; vừa tùy thuộc trong nhận thức về lợi ích quốc gia - dân tộc. Ý thức hệ và chế độ chính trị - xã hội khác nhau giữa các nước Đông Nam Á là thực tế lịch sử khách quan, biểu hiện sự đa dạng của cộng đồng quốc tế. Sự khác biệt, những tranh chấp bất đồng, tâm lý thiếu tin cậy giữa các nước cũng là một thực tế khách quan. Một mặt, do quá khứ để lại. Mặt khác, là những vấn đề nảy sinh do sự can thiệp từ bên ngoài khu vực; do giữa các nước chưa thể chế hóa được mối quan hệ trên cơ sở bền vững. Chính vì vậy, các nước ở Đông Nam Á có điểm đồng quy cần hòa bình ổn định, độc lập và phát triển. Ba Tuyên bố trong năm 1976 nêu trên đóng vai trò khung pháp lý bước đầu cụ thể hóa mục tiêu hợp tác của Đông Nam Châu Á, làm cơ sở thể chế hóa quan hệ hợp tác khu vực. Ý nghĩa đó thể hiện trên ba cấp độ giữa các quốc gia Đông Nam Á trong ASEAN; giữa các quốc gia Đông Nam Á trong khu vực; và giữa khu vực Đông Nam Á với các nước khác ngoài khu vực.

Nhìn lại thời gian khoảng 10 năm đầu sau tuyên bố thành lập Hiệp hội, dấu ấn ASEAN tập trung nỗ lực điều giải mâu thuẫn bất đồng về chủ quyền lãnh thổ, củng cố tổ chức hoạt động, xác lập đường hướng phát triển hợp tác. Quá trình đó chịu chi phối bởi: *Thứ nhất*, mặc dù tuyên bố tham gia trong một tổ chức Hiệp hội, các nước thành viên còn nhiều bất đồng. Do vậy, ý chí hợp tác còn trong quá trình tiếp cận và tùy thuộc vào nhau. *Thứ hai*, cuộc chiến tranh ở Đông Dương là một điểm nóng độ sức giữa hai chiến tuyến trong bối cảnh thế giới đối đầu quân sự giữa các siêu cường. Quyền lợi dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á chịu tác động sâu sắc cục diện chính trị - an ninh do tác động trực tiếp từ cuộc chiến tranh này. *Thứ ba*, từ những diễn biến phức tạp trong các lĩnh vực quan hệ quốc tế, đặc biệt về an ninh - chính trị với ảnh hưởng của các cường quốc ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam châu Á là một thực thể địa lý còn bị chia rẽ và căng thẳng. Ba nước Đông Dương tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống đế quốc - tự bản. Các nước ASEAN không trực tiếp đương đầu với chiến tranh, đang phát triển kinh tế tư bản thị trường, cần sự ổn định về chính trị và an ninh. *Thứ tư*, môi trường quốc tế còn tồn tại chiến tranh lạnh đối đầu Đông - Tây giữa hai siêu cường với hai hệ thống chế độ chính trị - kinh tế - xã hội chi phối tình hình thế giới; định hướng và chiến lược phát triển bao gồm cả chính sách đối ngoại và an ninh quốc phòng của các quốc gia.

Vì vậy, hợp tác khu vực giữa các nước Đông Nam Á chưa có đủ điều kiện để thực hiện trên phạm vi toàn khu vực,

toàn diện trong các lĩnh vực. Thời gian này, hoạt động hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa xã hội giữa các thành viên ASEAN còn rất mờ nhạt. Phối hợp chia sẻ quan điểm về chính trị - an ninh theo ý thức hệ là mối quan tâm chung của ASEAN và là vấn đề nổi trội. Cam kết biểu thị hợp tác chính trị là nét nổi bật, phản ánh sự thích ứng ở từng thời điểm của lãnh đạo các chính phủ thành viên ASEAN trước tình hình khu vực và quốc tế.

Trong các sự kiện trọng yếu của biên niên sử Đông Nam Á giữa thập kỷ 70, *Tuyên bố Bali về Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (năm 1976) xác lập phương cách đối ngoại trong ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác khác ở trong và ngoài khu vực Đông Nam Châu Á; Tuyên bố Bali về sự Hòa hợp ASEAN (năm 1976) xác lập một chương trình hành động làm khuôn khổ thúc đẩy hợp tác giữa các thành viên ASEAN và của Hiệp hội; Tuyên bố bốn điểm của CHXHCN Việt Nam (năm 1976) thể hiện truyền thống ngoại giao hòa bình và hợp tác, minh chứng chính sách đối ngoại với các nước Đông Nam Á, chủ yếu và trực tiếp là các nước ASEAN.*

*Đường hướng hợp tác khu vực giữa các quốc gia Đông Nam Á bước đầu được thể chế hóa. Do vậy, các bên có cơ sở tranh thủ được những điểm tương đồng, tăng nhận thức hiểu biết về nhau, có quan điểm để xích lại gần nhau thu hẹp bất đồng giữa các quốc gia, vì lợi ích chung cần hòa bình ổn định, độc lập trung lập, đoàn kết hữu nghị, hợp tác cho sự phát triển.*

## CHÚ THÍCH

- (1) Lịch sử thế giới hiện đại (1917-1995), nhiều tác giả, Nguyễn Anh Thái (chủ biên), NXB Giáo dục, tái bản lần thứ tư, H, 2003, tr.319.
- (2) Xem tham khảo Viện Sử học: Thắng lợi kháng chiến chống Mỹ và hai mươi năm xây dựng đất nước sau chiến tranh, nhiều tác giả, NXB KHXH, H, 1995, 266 tr.
- (3), (4) Vụ ASEAN, Bộ Ngoại giao: Hiệp hội các nước Đông Nam Á, NXB CTQG, H, 1995, tr.188-189 và 190.
- (5) Đó là Thái Lan, Xingapo, Philippin, Malaixia và Indônêxia. Xem tham khảo TS. Phạm Đức Thành (chủ biên): Đặc điểm con đường phát triển kinh tế - xã hội của các nước ASEAN, NXB KHXH, H, 2001, tr.277.
- (6) Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia: Xây dựng ASEAN thành cộng đồng các quốc gia phát triển bền vững, đồng đều và hợp tác. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tại Hà Nội, tháng 11/1998 - H. 1999, tr.51.
- (7) Trích trong "Lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch", Báo Nhân dân ngày 20/7/1969, lưu trữ thư viện Quốc gia, Hà Nội.
- (8), (9) Vụ ASEAN, Bộ Ngoại giao: Sách đã dẫn, tr.194.
- (10) Trong năm nước thành lập ASEAN, Indônêxia có quan hệ ngoại giao với Việt Nam từ năm 1964; Malaixia và Xingapo có quan hệ ngoại giao với Việt Nam từ năm 1973; Thái Lan và Philippin lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam năm 1976.
- (11) Trích từ báo Nhân dân ngày 6 tháng 7 năm 1976, Lưu trữ thư viện Quốc gia, Hà Nội.